

Bản án số: 406/2025/DS-PT

Ngày: 08-7-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/6 và ngày 08/7/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp) bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 314/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thanh N (tên thường gọi là M), sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, Khóm A, xã T (thị trấn M, huyện T), tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1. Hồ Phát K, sinh năm 1949.

2.2. Hồ Sĩ N1, sinh năm 1979.

2.3. Hồ Thị Đoan T, sinh năm 1977 (Có mặt).

2.4. Hồ Thị Hồng T1, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Số B, ấp T, xã T (xã T, huyện L), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Hồng T1: Chị Hồ Thị Đoan T, sinh năm 1977 (Có mặt). Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T (xã T, huyện L), tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/12/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị M1, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, Khóm A, xã T (thị trấn M, huyện T), tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T, chị Hồ Thị Hồng T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:

Vào ngày 28/8/2024, gia đình chị T gồm: Ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Hồng T1 và chị Hồ Thị Đoan T có vay của anh Nguyễn Thanh N số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng. Thời hạn trả 03 ngày, khi vay hai bên chỉ làm biên nhận, không có thế chấp tài sản. Tuy nhiên, sau khi đến hạn trả nợ do gia đình chị T không trả được nợ nên đã thế chấp cho anh N 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do hộ ông Hồ Phát K đứng tên. Đến ngày 09/9/2024, gia đình chị T có trả được cho anh N số tiền 800.000.000 đồng (nhận chuyển khoản 500.000.000 đồng và nhận trực tiếp 300.000.000 đồng) còn lại số tiền gốc 1.200.000.000 đồng nên gia đình chị T có làm lại biên nhận còn nợ anh N số tiền trên và xé biên nhận số tiền vay 2.000.000.000 đồng và thỏa thuận thời hạn trả tiếp số tiền gốc và lãi là 10 ngày sau. Đồng thời, anh N đã trả lại 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho gia đình chị T để gia đình chị T làm thủ tục chuyển nhượng đất trả tiền cho anh N nên anh N chỉ giữ lại 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

Sau nhiều lần anh N đòi số tiền còn nợ nhưng phía gia đình chị T không trả nợ nên anh N làm đơn khởi kiện yêu cầu gia đình chị T phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.200.000.000 đồng. Anh N nộp đơn cho Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò ngày 23/9/2024, trong thời gian Tòa án đang xem xét đơn khởi kiện thì đến ngày 04/10/2024 gia đình chị T có trả tiếp cho anh N được số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền này thì anh N đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho gia đình chị T. Còn lại số tiền gốc 200.000.000 đồng thì gia đình chị T hẹn vài ngày sau sẽ trả đủ nhưng sau đó không trả nên anh N làm đơn khởi kiện thay đổi số tiền gốc mà gia đình chị T còn nợ để yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Số tiền nợ 200.000.000 đồng mà gia đình chị T còn nợ lại anh N khẳng định là vốn không phải tiền lãi như phía chị T trình bày. Do đó, anh Nguyễn Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T, chị Hồ Thị Hồng T1 có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh N số tiền

vốn 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Số tiền anh N cho gia đình chị T vay là do anh N vay mượn của bạn bè để cho gia đình chị T vay không phải là số tiền do vợ chồng anh N và chị M1 cho vay, nên anh N yêu cầu chị T, ông K, anh N1, chị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cho anh N, anh N không yêu cầu tính lãi, nếu sau khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà gia đình chị T không trả nợ thì yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định.

- Bị đơn chị Hồ Thị Đoan T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Hồng T1 trình bày:

Thừa nhận vào ngày 28/8/2024, gia đình chị T gồm: Ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Hồng T1 và chị Hồ Thị Đoan T có vay của anh Nguyễn Thanh N số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), mục đích vay để gia đình đáo nợ Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 9.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương đương 0,9%/ngày), vay 2.000.000.000 đồng tiền lãi tương đương 18.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay thỏa thuận là khi nào gia đình chị T đáo nợ Ngân hàng xong và Ngân hàng giải ngân thì gia đình chị T sẽ trả vốn, lãi cho anh N. Khi vay tiền thì không có thế chấp tài sản gì mà chỉ làm biên nhận nợ. Tuy nhiên, do việc đáo nợ Ngân hàng gặp trục trặc Ngân hàng không cho vay lại nên gia đình chị T không có tiền để trả cho anh N nên đã giao cho anh N giữ 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác có trên đất bản chính do hộ ông Hồ Phát K đứng tên. Sau đó, gia đình chị T đã phải vay mượn ở ngoài để trả cho anh N, cụ thể ngày 09/9/2024, đã vay của anh Võ Minh V số tiền 1.000.000.000 đồng trả cho anh N gồm 500.000.000 đồng trả tiền mặt, chị T nhận trực tiếp từ anh V, sau khi nhận tiền xong thì chị T gọi điện cho anh N đến nhận và anh N đã lái xe ô tô đến đậu trước cửa nhà của anh V rồi chị T trực tiếp ra đưa tiền cho anh N và anh N đếm đủ 500.000.000 đồng tiền mặt. Còn lại 500.000.000 đồng thì anh V chuyển khoản trực tiếp qua tài khoản con gái của anh N tên Nguyễn Lao Thị Như L nên số tiền vay gốc gia đình chị T còn nợ anh N 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và tiền lãi. Về tiền lãi lúc đầu thỏa thuận 1.000.000 đồng một ngày là 9.000 đồng số tiền vay 2.000.000.000 đồng thì tiền lãi một ngày là 18.000.000 đồng nhưng khi gia đình chị T trả số tiền vay gốc được 1.000.000.000 đồng thì anh N bớt tiền lãi còn 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tức là 16.000.000 đồng/ngày/2.000.000.000 đồng. Do đó, từ ngày 28/8/2024 đến ngày 09/9/2024 gia đình chị T trả 1.000.000.000 đồng thì anh N tính tiền lãi là 208.000.000 đồng, bớt 8.000.000 đồng nên tính tròn 200.000.000 đồng tiền lãi. Khi gia đình chị T trả số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng mà chưa có trả tiền lãi thì anh N kêu vợ anh N viết biên nhận số tiền vay 1.200.000.000 đồng theo như nội dung biên nhận ngày 09/9/2024 mà anh N cung cấp cho Tòa án. Gia đình chị T có ký biên nhận nợ số tiền 1.200.000.000 đồng này nhưng

phía anh N không cho gia đình chị T ghi rõ số tiền vốn 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 200.000.000 đồng mà anh N nói phải ghi chung số tiền còn nợ lại 1.200.000.000 đồng và gia đình chị T hẹn 02 tuần sẽ trả tiếp. Đến ngày 04/10/2024, gia đình chị T đã trả tiếp cho anh N số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), còn lại 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo biên nhận thì chưa trả. Nhưng số tiền còn nợ anh N 200.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền đề ngày 09/9/2024 thực chất là tiền lãi mà gia đình chị T còn nợ anh N chứ không phải là tiền vốn. Sau khi gia đình chị T trả được số tiền vốn 1.000.000.000 đồng còn lại 200.000.000 đồng tiền lãi thì chị T có xin chị M1 bớt tiền lãi thì chị M1 có đồng ý bớt cho gia đình chị T mấy chục triệu tiền lãi nhưng chưa nói bớt cụ thể là bao nhiêu.

Nay, chị T yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất, cụ thể số tiền khi cho vay vợ chồng anh N nói anh N có vay của người khác số tiền là 400.000.000 đồng với lãi suất 7.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên cho gia đình chị T vay lại với lãi suất 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, số tiền 400.000.000 đồng tương đương 3.200.000 đồng/ngày thì chị T thống nhất số tiền lãi của số tiền và từ ngày 28/8/2024 cho đến ngày 09/09/2024 là 13 ngày số tiền lãi gia đình chị T đồng ý trả cho anh N là $3.200.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ ngày} = 41.600.000 \text{ đồng}$. Còn số tiền 1.600.000.000 đồng là của hai vợ chồng anh N, chị M1 cho vay và anh N trình bày cho vay lãi suất 1,66%/tháng nên chị T yêu cầu tính lãi 1,66%/tháng như anh N trình bày. Số tiền lãi sẽ được tính từ ngày 28/8/2024 đến ngày 09/9/2024 là 13 ngày, cụ thể lãi là: $1.600.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 13 \text{ ngày} = 11.509.000 \text{ đồng}$. Từ ngày 10/9/2024 đến ngày 04/10/2024 số tiền vốn còn lại 1.000.000.000 đồng tiền lãi 26 ngày là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 26 \text{ ngày} = 14.386.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền lãi mà gia đình chị T đồng ý trả cho anh N là $41.600.000 \text{ đồng} + 11.509.000 \text{ đồng} + 14.386.000 \text{ đồng} = 67.495.000 \text{ đồng}$ (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Hiện nay, bản chính của 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do hộ ông Hồ Phát K đứng tên thì phía anh N đã trả lại cho gia đình chị T xong.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M1 trình bày:

Chị M1 là vợ của anh Nguyễn Thanh N, số tiền mà anh N cho ông K, anh N1, chị T và chị T1 vay là số tiền do anh N vay mượn của bạn cho vay không phải là số tiền của vợ chồng chị M1, anh N cho vay. Do đó, chị M1 không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp) (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N.

Buộc ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T và chị Hồ Thị Hồng T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh N số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Phát K được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T và chị Hồ Thị Hồng T1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015154 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 26/3/2025, bị đơn ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T, chị Hồ Thị Hồng T1 không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đồng ý trả số tiền lãi còn lại là 67.495.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn chị Hồ Thị Đoan T, đồng thời chị T là người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Hồng T1 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đồng ý trả số tiền lãi còn lại là 67.495.000 đồng.

- Anh Nguyễn Thanh N trình bày: Không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thủ tục kháng cáo của ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T, chị Hồ Thị Hồng T1 thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T, chị Hồ Thị Hồng T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm giải quyết vụ án dân sự số 307/PB-VKS-DS ngày 08/7/2025).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Vò thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T, chị Hồ Thị Hồng T1 không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc bị đơn nộp đơn kháng cáo ngày 26/3/2025 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị M1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn cho rằng vào ngày 28/8/2024 có cho bị đơn vay số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn trả 03 ngày, có làm biên nhận. Ngày 09/9/2024 bị đơn trả 800.000.000 đồng tiền gốc nên viết biên nhận còn nợ lại 1.200.000.000 đồng tiền gốc và thỏa thuận trả tiếp số tiền gốc và lãi là 10 ngày sau. Đến ngày 04/10/2024 bị đơn trả tiếp được số tiền 1.000.000.000 đồng, hẹn vài ngày sau sẽ trả đủ nhưng đến nay không trả. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn cho rằng vào ngày 28/8/2024 có vay của nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng, có làm biên nhận để đáo nợ Ngân hàng, lãi suất thỏa thuận

9.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn vay thỏa thuận khi nào gia đình bị đơn đáo nợ Ngân hàng và giải ngân thì sẽ trả gốc, lãi cho nguyên đơn. Ngày 09/9/2024, bị đơn trả cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng, còn lại 1.000.000.000 đồng nhưng nguyên đơn tính tiền lãi 208.000.000 đồng, bớt 8.000.000 đồng nên yêu cầu bị đơn viết biên nhận nợ 1.200.000.000 đồng, hẹn 02 tuần sẽ trả tiếp. Đến ngày 04/10/2024 bị đơn trả tiếp cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng. Do đó, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả số tiền 67.495.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay không phải nguồn tiền của vợ chồng nên không có yêu cầu gì trong vụ án.

Từ đó, đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi các lẽ như sau:

- Các đương sự thừa nhận vào ngày 28/8/2024 anh Nguyễn Thanh N có cho gia đình chị T gồm: Ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Hồng T1 và chị Hồ Thị Đoan T vay số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), mục đích vay để gia đình chị T đáo nợ Ngân hàng. Đến ngày 09/9/2024 gia đình chị T có trả tiền cho anh N nên đã làm lại biên nhận số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn cho rằng vào ngày 09/9/2024 trả cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng, còn lại 1.000.000.000 đồng nhưng nguyên đơn tính tiền lãi 208.000.000 đồng, bớt 8.000.000 đồng nên yêu cầu bị đơn viết biên nhận nợ 1.200.000.000 đồng, hẹn 02 tuần sẽ trả tiếp. Đến ngày 04/10/2024 bị đơn trả tiếp cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng. Do đó, bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả số tiền 67.495.000 đồng. Xét lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở, vì Biên nhận mượn tiền ngày 09/9/2024 không thể hiện có tiền lãi và bị đơn thừa nhận chữ ký và viết họ tên, nội dung trong Biên nhận mượn tiền ngày 09/9/2024, không bị đe dọa, ép buộc.

Bị đơn có cung cấp một USB và bản tường trình ghi lại nội dung cuộc điện thoại trao đổi giữa anh N và chị T. Anh N thừa nhận giọng nói người nam trong đoạn ghi âm là giọng của anh N và đúng nội dung hai bên trao đổi nhưng đó chỉ là các cuộc gọi điện thoại anh N đòi tiền gia đình chị T thiếu nợ số tiền vốn, còn tiền lãi anh N không có đòi. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T cũng thừa nhận mỗi lần chị T nói về tiền lãi thì anh N lớn tiếng, quát, rồi cúp máy, không có đề cập gì đến tiền lãi. Ngoài ra, bị đơn không có chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền

200.000.000 đồng mà anh N khởi kiện là tiền lãi. Do đó, không có căn cứ xác định số tiền mà bị đơn còn nợ anh N là tiền lãi như chị T trình bày.

- Chị T cho rằng vay của vợ chồng anh N để đáo nợ Ngân hàng. Anh N không thừa nhận và cho rằng số tiền cho bị đơn vay là tiền cá nhân. Mặt khác, tại Biên nhận mượn tiền ngày 09/9/2024 thể hiện bên nhận tiền ông K, người liên quan anh N1, chị T, chị T1 ký tên xác nhận, không có tên hay nội dung thể hiện số tiền có chị Nguyễn Thị M1 và quá trình giải quyết vụ án, đơn đề nghị vắng mặt tại Tòa án đề ngày 07/01/2025 chị M1 xác định số tiền anh N cho bị đơn vay là số tiền do anh N vay mượn của người khác không phải là số tiền của vợ chồng. Do đó, chị M1 không có yêu cầu gì trong vụ án này. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền bị đơn cùng vay của anh N chứ không phải vay của vợ chồng anh N nên anh N khởi kiện yêu cầu ông K, anh N1, chị T và chị T1 có nghĩa vụ trả cho anh N là phù hợp.

- Về tiền lãi: Căn cứ vào Biên nhận mượn tiền ngày 09/9/2024 không thể hiện các bên có thỏa thuận lãi. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự cũng thừa nhận từ ngày vay tiền đến nay bị đơn chưa trả khoản tiền lãi nào cho nguyên đơn và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hiện nay anh N đã trả lại cho bị đơn. Các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T, chị Hồ Thị Hồng T1 cùng liên đới trả số tiền 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của bị đơn là không có đủ căn cứ, đồng thời bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Hồ Phát K thuộc diện người cao tuổi nên được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T, chị Hồ Thị Hồng T1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2025/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Tháp).

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh N.

Buộc ông Hồ Phát K, anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T và chị Hồ Thị Hồng T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh N số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Phát K được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T và chị Hồ Thị Hồng T1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Hồ Phát K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Hồ Sĩ N1, chị Hồ Thị Đoan T, chị Hồ Thị Hồng T1 phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007419 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp).

Hoàn trả lại cho anh Hồ Sĩ N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007473 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp).

Hoàn trả lại cho chị Hồ Thị Hồng T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007474 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Đồng Tháp).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng TT,KT & THA TAND Tỉnh;
- TAND khu vực 7 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 7 – Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, TDS, HSVA ^(Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Hứa Quang Thông